

BÁO CÁO

**Giám sát chuyên đề việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện
Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá
phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

Kính gửi: Công an thành phố

Theo đề nghị của Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo phát triển KHCN, ĐMST và CDS thành phố tại Công văn số 11828/CQTT-TM ngày 09/9/2026 về việc chuẩn bị nội dung làm việc với Đoàn Giám sát của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Sở Y tế báo cáo kết quả tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW như sau:

Phần thứ nhất ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát chức năng, nhiệm vụ và công tác giao nhiệm vụ

- Xác định việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc. Sở Y tế đã nghiêm túc triển khai công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành. Việc quán triệt được thực hiện thông qua các hội nghị chuyên đề, sinh hoạt chi bộ định kỳ và lồng ghép trong các cuộc họp của phòng, ban, đơn vị. Nội dung tuyên truyền tập trung làm rõ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu tổng quát, các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu trong tổ chức thực hiện.

- Các văn bản Sở Y tế đã ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện :

+ Kế hoạch số 50/KH-SYT ngày 06/3/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 03-NQ/CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

+ Kế hoạch số 167/KH-SYT ngày 21/8/2025 về Tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong ngành Y tế thành phố Hải Phòng của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong ngành Y tế thành phố Hải Phòng;

+ Kế hoạch số 48/KH-SYT ngày 4/3/2025 về Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số của ngành y tế Hải Phòng năm 2025;

+ Quyết định số 1539/QĐ-SYT ngày 03/8/2025 về việc thành lập Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành Y tế thành phố Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

+ Kế hoạch số 173/KH-SYT ngày 06/9/2025 về Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số của ngành y tế Hải Phòng 6 tháng cuối năm 2025;

+ Kế hoạch số 190/KH-SYT ngày 20/9/2025 về Thực hiện Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của UBND thành phố về việc thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024;

+ Công văn số 6079/SYT-TCHC ngày 13/10/2025 về việc phổ cập bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025.

+ Công văn số 6335/SYT-TCHC ngày 20/10/2025 về việc thực hiện Thông báo số 552/TB-VPCP của Ban chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06;

+ Công văn số 7763/SYT-TCHC ngày 24/11/2025 về việc triển khai thực hiện Thông báo số 624/TB-VPCP ngày 16/11/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Phiên 5);

+ Kế hoạch số 238/KH-SYT ngày 27/11/2025 về tổ chức Hội nghị học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Các văn bản ban hành đảm bảo rõ nhiệm vụ, đơn vị, người thực hiện, rõ thời hạn hoàn thành, rõ kết quả và trách nhiệm. Đảng ủy Sở Y tế đã chỉ đạo đầy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách và hướng dẫn thực hiện đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Sở Y tế đã tổ chức tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số đến công chức và người lao động theo Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (Nghị quyết số 71/NQ-CP); Kế

hoạch hành động số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 12/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

2. Bối cảnh và đặc điểm riêng ảnh hưởng đến triển khai

Sau hợp nhất, ngành y tế quản lý một hệ thống có quy mô lớn, địa bàn rộng và nhiều loại hình cung ứng dịch vụ. Khối công lập trực thuộc Sở Y tế có 61 cơ sở, gồm 19 bệnh viện tuyến thành phố, 07 trung tâm chuyên khoa, 01 bệnh viện đa khoa khu vực, 27 trung tâm y tế khu vực, 02 chi cục và 05 cơ sở bảo trợ xã hội. Tuyến y tế cơ sở có 113 trạm y tế và 280 điểm trạm trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã. Khu vực ngoài công lập có 14 bệnh viện, 92 phòng khám đa khoa, 1.550 phòng khám chuyên khoa; trên địa bàn còn có 07 bệnh viện, cơ sở y tế thuộc các bộ, ngành. Hệ thống được gồm 05 cơ sở sản xuất, 74 cơ sở bán buôn và 3.025 cơ sở bán lẻ thuốc.

Quá trình sắp xếp bộ máy đòi hỏi Sở Y tế phải tiếp nhận, quản lý và chỉnh lý số lượng lớn tài liệu lưu trữ lịch sử từ Sở Y tế thành phố Hải Phòng (cũ) và Sở Y tế tỉnh Hải Dương để phục vụ số hóa.

Phần thứ hai

KẾT QUẢ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thể chế hóa

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 71/NQ-CP, Kế hoạch 12-KH/TU và Kế hoạch 49/KH-UBND đến 100% cán bộ, công chức, người lao động.

Ban hành Kế hoạch công tác năm 2026 của Sở Y tế nhằm cụ thể hóa các mục tiêu chuyển đổi số.

Tham gia chương trình công tác của Tổ liên ngành phân tích dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành thành phố Hải Phòng (quý I/2026).

Đóng góp ý kiến dự thảo Đề án khung về đô thị thông minh thành phố Hải Phòng và cử đầu mối triển khai Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 22/4/2026.

Tham gia làm việc với Đoàn kiểm tra của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo thành phố về KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06.

Rà soát Cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định.

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Báo cáo UBND thành phố về triển khai Kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

Hoàn thiện dữ liệu công chức trên CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

Báo cáo định kỳ việc thực hiện Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số.

Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn 100% công chức, người lao động cài đặt, kích hoạt và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID.

II. Kết quả thực hiện về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, ứng dụng công nghệ số để cải thiện chẩn đoán, điều trị và chăm sóc sức khỏe; phát triển y tế thông minh, bệnh viện số, hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn thành phố.

Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ y tế cho người dân Hải Phòng, triển khai nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa; phát triển nền tảng y tế số giúp người dân tiếp cận thông tin sức khỏe và dịch vụ y tế dễ dàng, thuận tiện hơn.

Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành

Truyền thông: Đăng tải đầy đủ các văn bản chỉ đạo trên Cổng thông tin điện tử; biên soạn nhiều tin bài phản ánh vai trò của KHCN và CDS trong nâng cao chất lượng khám/chữa bệnh.

Đào tạo, tập huấn: Tổ chức các buổi tập huấn chuyển đổi số chuyên sâu cho lãnh đạo, cán bộ, công chức nhằm ứng dụng công nghệ vào thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

III. Kết quả thực hiện về chuyển đổi số

1. Về dữ liệu số

TT	CSDL/dữ liệu	Chủ trì cấp Bộ/ngành	Đơn vị đầu mối Sở Y tế	Tính chất dữ liệu	Khả năng dùng chung TP	Tiến độ kết nối	Định hướng xử lý
1	Hệ thống thông tin sức khỏe bà mẹ, trẻ em/sức khỏe sinh sản	Bộ Y tế – Cục Bà mẹ và Trẻ em	CDC	Chuyên ngành, có dữ liệu cá nhân	Có điều kiện	Hoàn thành	Kết nối/chia sẻ dữ liệu tổng hợp; dữ liệu cá nhân theo thẩm quyền
2	CSDL quản lý trẻ em	Bộ Y tế – Cục Bà mẹ và Trẻ em	Chi cục dân số	Chuyên ngành, dữ liệu cá nhân	Có điều kiện	Hoàn thành	Ưu tiên đồng bộ theo chuẩn Bộ; không đưa toàn bộ dữ liệu cá nhân vào kho dùng chung
3	CSDL khám, chữa bệnh	Bộ Y tế – Cục Quản lý KCB	Quản lý hành nghề	Chuyên ngành trọng yếu	Có đối với dữ liệu cơ sở, tổng hợp; dữ liệu cá nhân theo	Hoàn thành	Ưu tiên cao; hoàn thiện API, chuẩn hóa và liên thông

					quy định		
4	CSDL đối tượng trợ giúp xã hội	Bộ Y tế – Cục Bảo trợ xã hội	PCTN & BTXH	Dữ liệu đối tượng	Có điều kiện	Hoàn thành	Đồng bộ theo hệ thống quốc gia; khai thác theo thẩm quyền
5	CSDL lĩnh vực dự phòng, HIV/AIDS	Bộ Y tế – Cục Phòng bệnh	CDC	Chuyên ngành, dữ liệu nhạy cảm	Hạn chế	Chưa thực hiện	Không đưa dữ liệu cá nhân nhạy cảm vào kho dùng chung; chỉ chia sẻ theo quy định
6	CSDL cơ sở trợ giúp xã hội	Bộ Y tế – Cục Bảo trợ xã hội	PCTN & BTXH	Danh mục cơ sở	Có	Đang thực hiện	Ưu tiên danh mục cơ sở dùng chung
7	CSDL người làm công tác xã hội	Bộ Y tế – Cục Bảo trợ xã hội	PCTN & BTXH	Dữ liệu nhân lực/chuyên môn	Có điều kiện	Đang thực hiện	Chuẩn hóa trường dữ liệu, xác định dữ liệu được chia sẻ
8	CSDL người khuyết tật	Bộ Y tế – Cục Bảo trợ xã hội	PCTN & BTXH	Dữ liệu cá nhân nhạy cảm	Hạn chế	Đang thực hiện	Chỉ kết nối/khai thác theo thẩm quyền
9	CSDL an toàn thực phẩm	Bộ Y tế – Cục An toàn thực	Chi cục ATTP	Danh mục cơ sở/doanh nghiệp	Rất cao	Đang thực hiện	Ưu tiên đưa vào dữ liệu dùng chung TP

		phẩm					
10	CSDL giám định y khoa	Bộ Y tế	TT giám định y khoa	Chuyên ngành	Có điều kiện	Đang thực hiện	Xác định dữ liệu tổng hợp/danh mục có thể chia sẻ
11	CSDL người có HIV	Bộ Y tế – Cục Phòng bệnh	CDC	Dữ liệu sức khỏe đặc biệt nhạy cảm	Không chia sẻ rộng	Chưa thực hiện	Kết nối theo mục đích, thẩm quyền; bảo vệ dữ liệu cá nhân
12	CSDL giám sát dịch bệnh	Bộ Y tế – Cục Phòng bệnh	CDC	Chuyên ngành/dữ liệu dịch tễ	Có điều kiện, giá trị cao	Đang thực hiện	Ưu tiên dữ liệu tổng hợp phục vụ chỉ đạo, điều hành
13	CSDL thu ngân sách y tế	Bộ Y tế/đơn vị tài chính	KHTC	Tài chính	Có điều kiện	Chưa thực hiện	Rà soát khả năng kết nối với dữ liệu tài chính dùng chung
14	Dữ liệu cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc và nguyên liệu làm thuốc	Bộ Y tế – Cục Quản lý Dược	Nghiệp vụ Dược	Danh mục cơ sở	Rất cao	Đang thực hiện	Ưu tiên kết nối dữ liệu dùng chung TP
15	Dữ liệu cơ sở sản	Bộ Y tế –	Nghiệp	Danh mục cơ sở	Cao	Chưa	Chuẩn hóa danh mục, kết

	xuất mỹ phẩm	Cục Quản lý Dược	p vụ Dược			xác định	nối
16	Dữ liệu số tiếp nhận phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm	Bộ Y tế – Cục Quản lý Dược	Nghiệp p vụ Dược	Danh mục/quản lý sản phẩm	Cao	Chưa xác định	Xác định trường dữ liệu dùng chung
17	CSDL môi trường cơ sở y tế	Bộ Y tế – Cục Phòng bệnh	CDC	Chuyên ngành	Có	Đang thực hiện	Kết nối dữ liệu tổng hợp/danh mục
18	CSDL nhân lực y tế	Bộ Y tế	TCHC /đơn vị chuyên môn	Nhân lực	Cao đối với dữ liệu tổng hợp	Đang thực hiện	Ưu tiên danh mục, thống kê nhân lực
19	CSDL hồ sơ bệnh án điện tử	Bộ Y tế – Cục Quản lý KCB	Quản Lý hành nghề	Dữ liệu sức khỏe cá nhân rất nhạy cảm	Không đưa toàn bộ vào kho dùng chung	Đang thực hiện	Kết nối theo chuẩn/API; khai thác theo thẩm quyền
20	CSDL hoạt động	Bộ Y tế	Trung	Chuyên ngành	Có điều	Chưa	Xác định dữ liệu kết

	kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm		tâm kiểm nghiệm		kiện	xác định	quả/tổng hợp cần chia sẻ
21	CSDL kỹ thuật quản lý an toàn thông tin y tế	Bộ Y tế	TCHC /đơn vị phụ trách ATTT	Quản trị kỹ thuật	Hạn chế	Chưa xác định	Chủ yếu phục vụ quản trị/an toàn hệ thống
22	CSDL nền tảng số sức khỏe điện tử	Bộ Y tế	TCHC /đơn vị phụ trách ATTT	Dữ liệu sức khỏe số	Có điều kiện	Hoàn thành	Ưu tiên liên thông với VNeID/Cổng dữ liệu sức khỏe theo quy định
23	CSDL thanh toán viện phí điện tử	Bộ Y tế	KHTC /KCB	Tài chính + dữ liệu cá nhân	Có điều kiện	Đang thực hiện	Chia sẻ dữ liệu tổng hợp; bảo vệ dữ liệu giao dịch cá nhân
24	CSDL quản lý thiết bị y tế	Bộ Y tế – cơ quan chuyên môn về thiết bị y	KHTC	Danh mục thiết bị/cơ sở	Cao	Hoàn thành	Ưu tiên dữ liệu danh mục dùng chung

		tế					
25	CSDL giấy phép hành nghề y, dược	Bộ Y tế/cơ quan chuyên môn	Nghiệp vụ Y	Danh mục người hành nghề/giấy phép	Rất cao	Chưa xác định	Ưu tiên kết nối, phục vụ tra cứu và quản lý
26	Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia	Bộ Y tế – Cục Phòng bệnh	CDC	Dữ liệu tiêm chủng cá nhân	Có điều kiện	Hoàn thành	Ưu tiên làm sạch, định danh, liên thông; không chia sẻ tràn lan dữ liệu cá nhân
27	CSDL quản lý hồ sơ sức khỏe & hỗ trợ sinh sản	Bộ Y tế	CDC	Dữ liệu sức khỏe cá nhân	Có điều kiện	Chưa xác định	Kết nối theo chuẩn, mục đích và thẩm quyền
28	Dữ liệu cơ sở được cấp chứng nhận đủ điều kiện ATTP	Bộ Y tế – Cục ATTP	Chi cục ATTP	Danh mục cơ sở	Rất cao	Chưa xác định	Ưu tiên đưa vào dữ liệu dùng chung TP
29	Dữ liệu cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Bộ Y tế – Cục Phòng bệnh	CDC	Danh mục cơ sở	Rất cao	Đang thực hiện	Ưu tiên kết nối dữ liệu dùng chung TP

2. Về hạ tầng, kiến trúc số và an toàn thông tin

Sở Y tế duy trì ổn định hệ thống mạng nội bộ, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành; đồng thời từng bước khắc phục các lỗi kỹ thuật phát sinh. Sở đã triển khai cài đặt đồng bộ phần mềm Microsoft Office phục vụ công tác soạn thảo, xử lý văn bản, ký số và lưu trữ hồ sơ điện tử, góp phần chuẩn hóa môi trường làm việc số.

Hệ thống máy tính dùng soạn thảo văn bản mật được cách ly hoàn toàn, không kết nối Internet. Đã xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo quy định.

Thực hiện số hóa hồ sơ công việc; gửi, nhận văn bản liên thông trên môi trường điện tử giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả quản lý.

3. Về nhân lực số và công dân số

Các đơn vị trực thuộc, nhất là khối các Bệnh viện đã chủ động bố trí cán bộ Công nghệ thông tin để triển khai áp dụng chuyển đổi số tại đơn vị. Triển khai kết nối dữ liệu khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế theo Quyết định số 4750/QĐ-BYT ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023. Đã cử cán bộ tham gia đầy đủ các nội dung tập huấn trực tuyến về Chuyển đổi số do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức. Triển khai hợp tác, đào tạo cán bộ chuyên trách CNTT để nâng cao năng lực, từng bước làm chủ các công nghệ số về dữ liệu lớn, di động, trí tuệ nhân tạo. Triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức CNTT cho các đồng chí Lãnh đạo các đơn vị thuộc Sở Y tế. Thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật kiến thức xử lý sự cố an toàn thông tin mạng và kỹ năng quản lý hệ thống thông tin.

Tỷ lệ cài đặt VNeID: 100% công chức, người lao động kích hoạt thành công Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID.

Lồng ghép nội dung chuyển đổi số trong các hội nghị chuyên môn, tập huấn nâng cao kỹ năng bảo mật và xử lý dữ liệu.

IV. Về tài chính cho khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

1.1. Mua sắm hạ tầng CNTT triển khai hồ sơ bệnh án điện tử: Phê duyệt 41 nhiệm vụ với tổng kinh phí 84.285 triệu đồng.

1.2. Thuê dịch vụ triển khai hồ sơ bệnh án điện tử: Phê duyệt 40 nhiệm vụ (40 đơn vị làm chủ đầu tư), tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước là 306.980 triệu đồng trong 5 năm (2025-2029).

1.3. Phần mềm quản lý y tế cơ sở (V20): Đã phân bổ 1.726,56 triệu đồng theo Kế hoạch 325/KH-UBND để tối ưu hóa công việc tại Trạm y tế.

2. Nhận xét, đánh giá

Sở Y tế đã tham mưu UBND thành phố ban hành nhiều chương trình, kế hoạch trọng tâm về chuyển đổi số, trong đó có: Kế hoạch triển khai chuyển đổi

số ngành Y tế hằng năm bám sát định hướng của Thành ủy, UBND TP và Bộ Y tế. Các văn bản triển khai thực hiện Đề án 06/CP, Đề án tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý khám chữa bệnh, Đề án phát triển dữ liệu dân cư và căn cước điện tử trong ngành Y tế. Hình thành khung định hướng chiến lược đến năm 2025, tầm nhìn 2030 về hạ tầng số, dữ liệu số, các hệ thống nền tảng dùng chung và bệnh viện số. Kế hoạch triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử (HSSKĐT) và kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Kế hoạch chuẩn hóa, kết nối, liên thông dữ liệu khám chữa bệnh phục vụ thanh toán BHYT và quản lý y tế. Kế hoạch phát triển dịch vụ công trực tuyến, tăng tỷ lệ xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử. Kế hoạch triển khai Hồ sơ cấp độ an toàn thông tin cho hồ sơ bệnh án điện tử cho toàn ngành.

V. Đổi mới lãnh đạo, chỉ đạo và kỷ luật thực thi

Đã gắn trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu đối với kết quả thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số và Đề án 06.

Đưa kết quả ứng dụng CNTT vào đánh giá chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của các phòng Nghiệp vụ và từng công chức.

Phần thứ ba

TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

I. Tồn tại, hạn chế

- Về tích hợp, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý nhà nước: Sở Y tế chưa triển khai các hệ thống AI chuyên biệt; việc ứng dụng hiện nay chủ yếu thông qua các chức năng thông minh tích hợp sẵn trong các phần mềm dùng chung của thành phố, cá nhân cán bộ, công chức sử dụng phục vụ công tác thống kê, tổng hợp dữ liệu, tra cứu thông tin, hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính.

- Khối lượng tài liệu tồn đọng chưa chỉnh lý còn lớn gây áp lực cho công tác số hóa.

- Hạ tầng CNTT tuy đã nâng cấp nhưng cần tiếp tục đồng bộ hóa để đáp ứng nhu cầu kết nối, chia sẻ CSDL quy mô lớn.

- Chưa có doanh nghiệp KHCN, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; mức độ ứng dụng khoa học, công nghệ còn hạn chế; chưa có điều kiện triển khai AI và các mô hình đổi mới sáng tạo chuyên sâu.

- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số; chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên.

II. Nguyên nhân

- Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên chủ yếu do nhân lực có chuyên môn sâu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn thiếu, chủ yếu kiêm nhiệm.

Trong năm 2026, Sở Y tế tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; chủ động rà soát, xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi để tập trung chỉ đạo và bố trí nguồn lực thực hiện. Đồng thời, tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan; kịp thời kiến nghị Ban Chỉ đạo, các cơ quan có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, bảo đảm việc triển khai Nghị quyết đạt hiệu quả thiết thực, phù hợp với yêu cầu trong giai đoạn mới.

Phần thứ tư **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- Tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách đặc biệt về tài chính, nguồn nhân lực, phát triển và ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số nhằm tạo đột phá;

- Đề nghị thành phố tiếp tục nâng cấp, mở rộng mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước nhằm đẩy mạnh tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào các hoạt động nghiệp vụ chỉ đạo, điều hành;

- Phối hợp có hiệu quả với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ về phát triển nền tảng số và thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số lĩnh vực Y tế; nâng cấp, đồng bộ, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt, phục vụ các hoạt động quản lý và chuyên môn nghiệp vụ của ngành; nâng cao chất lượng đội ngũ công chức và người lao động các phòng chuyên môn thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số; tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, kỹ năng vận hành các hệ thống mới cho công chức; bổ sung nguồn nhân lực có chuyên môn sâu về công nghệ thông tin tại các sở, ngành.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 57/NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Sở Y tế gửi Công an thành phố để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD và PGD SYT;
- Lưu: VT, TCHC (ĐV.Hùng).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Quang Cảnh